TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Thơ chữ Hán: Khai Tuệ, Quan Âm

ISSN: 2734-9195 17:03 06/09/2021

Bài 1:

開 慧 人 生 是 苦 海 災 殃 必 常 來 肉 體 欲 離 淚 開 慧 脫 悲 哀

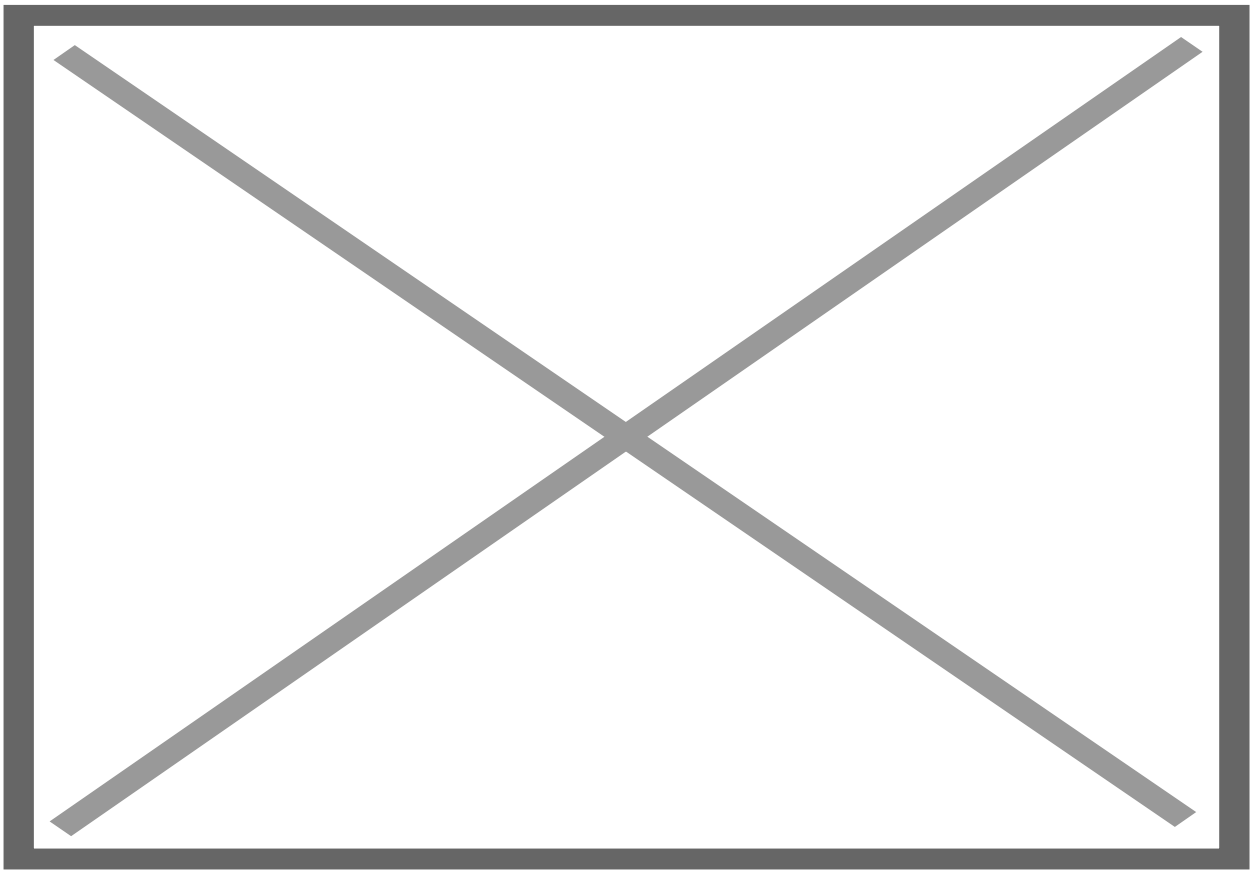
Phiên âm

KHAI TUỆ Nhân sinh thị khổ hải Tai ương tất thường lai Nhục thể dục li lệ Khai tuệ thoát bi ai.

Dịch nghĩa

KHAI TRÍ TUỆ Đời người là bể khổ Tai họa luôn ập đến bất ngờ Thân xác này muốn rời xa nước mắt Khai mở trí tuệ sẽ thoát khỏi khổ đau.

[caption id="attachment_9165" align="aligncenter" width="670"]



Tượng Bồ tát Quán Thế Âm tại Chùa Linh Ứng, Đà Nẵng. Ảnh: St[/caption]

Bài 2:

觀 音 觀 音 普 慈 悲 施 法 灑 甘 露 救 人 離 苦 海 度 眾 到 樂 方

Phiên âm

QUAN ÂM Quan Âm phổ từ bi Thí pháp sái cam lộ Cứu nhân li khổ hải Độ chúng đáo lạc phương.

Dịch nghĩa

QUAN ÂM Quan Âm mang đến lòng từ bi cho khắp thế gian Giúp cho hiểu Phật pháp và ban nước cam lộ Cứu con người thoát khỏi bể khổ Độ chúng sinh đến miền an lạc.

Giảng viên Nguyễn Thanh Huy - Đại học Khánh Hòa